

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 35/1998/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 1998

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn về thủ tục miễn thuế nhập khẩu đối với các tổ chức,
cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí***

Căn cứ Luật Dầu khí được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 6/7/1993; Nghị định số 84/CP ngày 17/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/11/1996; Nghị định số 12/CP ngày 18/2/1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật ĐTNN tại Việt Nam; Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Hiệp định liên Chính phủ ký ngày 16/7/1991 về việc tiếp tục khai thác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu và khí ở thềm lục địa phía nam CHXHCNVN trong khuôn khổ xí nghiệp liên doanh Việt Xô "Vietsoyepetro";

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 6158/KTTH ngày 3/12/1997 về việc miễn thuế nhập khẩu đối với các hợp đồng dầu khí;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc miễn thuế nhập khẩu đối với các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động dầu khí trên cơ sở hợp đồng dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí là đối tượng được miễn nộp thuế nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này bao gồm:

Xí nghiệp liên doanh dầu khí được định nghĩa tại khoản 10, Điều 3 của Luật Dầu khí;

Nhà thầu được định nghĩa tại khoản 8, Điều 3 của Luật Dầu khí;

2. Hàng hoá của tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí được miễn thuế nhập khẩu bao gồm:

Hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Điều 11 của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành;

Hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Điều 63 của Nghị định số 12/CP của Chính phủ ngày 18/2/1997 và theo quy định tại Điều 10 của Nghị định số 10/1998/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23/1/1998;

Vật tư, thiết bị, nhiên liệu nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí theo quy định tại khoản 5, Điều 28 của Luật Dầu khí, và quy định tại Điều 41 của Nghị định số 84/CP ngày 17/12/1996;

Vật tư, thiết bị nhập khẩu theo phương thức "tạm nhập tái xuất" để phục vụ cho hoạt động dầu khí theo quy định tại khoản 5, Điều 28 của Luật Dầu khí, và quy định tại Điều 41 của Nghị định số 84/CP ngày 17/12/1996;

Hàng hoá tiêu dùng là thực phẩm, thuốc y tế phục vụ ngoài dàn khoan mà Việt Nam chưa sản xuất được.

3. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế, lệ phí khác (nếu có) đối với ô tô các loại nhập khẩu (trừ phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây truyền công nghệ và phương tiện vận tải dùng để đưa đón công nhân bao gồm ô tô trên 24 chỗ ngồi và phương tiện thủy) và phải nộp các loại thuế, lệ phí khác (nếu có) đối với các hàng hoá được miễn thuế nhập khẩu nêu tại điểm 2, mục I của Thông tư này.

II. THỦ TỤC MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU

Theo đề nghị của Tổng công ty dầu khí Việt Nam, căn cứ vào quy mô hoạt động của từng hợp đồng dầu khí, Bộ Thương mại duyệt danh mục vật tư, thiết bị, nhiên liệu, thực phẩm và thuốc